|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: Công nghệ – Lớp 7**  **Thời gian: 45 phút** |

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì II khi kết thúc nội dung: Bài 11: Phòng và trị bệnh cho vật nuôi*

**- Thời gian làm bài:** *45 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *gồm 15 câu hỏi (biết 12 câu; hiểu 3 câu), mỗi câu 0,33 điểm;*

- Phần tự luận: 5,0 điểm( hiểu 1 câu; VD thấp 1 câu; VDC 1 câu)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | |
|  | **Số CH** | **Câu** | **Số CH** | **Câu** | **Số CH** | **Câu** | **Số CH** | **Câu** | **TN** | **TL** |
| **1** | I. Chăn nuôi | 1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi | 3 | C1, C2, C3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  | **1,0** |
| 1.2. Các loại vật nuôi ở Việt Nam | 2 | C4, C5 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | **0,67** |
| 1.3. Phương thức chăn nuôi | 2 | C6, C7 | 1 | C8 |  |  | 1 | C18 | 3 | 1 | **2,0** |
| 1.4. Ngành nghề trong chăn nuôi | 2 | C9, C10 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | **0,67** |
| **2** | **II.** Nuôi dưỡng,  chăm sóc và phòng, trị bệnh  cho vật nuôi | 2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi | 1 | C11 | 1 | C16 |  |  |  |  | 1 | 1 | **2,33** |
| 2.2. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi | 2 | C12, C13 | 2 | C14, C15 | 1 | C17 |  |  | 4 | 1 | **3,33** |
| **Tổng** | | | **12** | **12** | **4** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **15** | **3** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **50** | **50** |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II MÔN CÔNG NGHỆ 7 NĂM HỌC 2023 -2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **I. Mở**  **đầu về chăn nuôi** | ***1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế. * Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam. | C1, C3  C2 |  |  |  |
| ***1.2. Các loại vật nuôi đặc trưng phổ biến ở nước ta*** | **Nhận biết:**   * Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm…). | *C4, C5* |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Hiểu được đặc trưng của giống gà để chọn lọc được giống mới. |  |  |  |  |
| ***1.3. Phương thức chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta. | C6, C7 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. |  | C8 |  |  |
| **Vận dụng cao:**   * Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương. |  |  |  | **C18** |
| ***1.4. Ngành nghề trong chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Phân biệt được một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. | C9, C10 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **2** | **II. Nuôi dưỡng,**  **chăm sóc và phòng, trịbệnh**  **cho vật nuôi** | ***2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. | C11 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Trình bày được các công việc cơ bản nuôi dưỡng và chăm sóc từng loại vật nuôi, vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. |  | **C16** |  |  |
| **Vận dụng:**   * Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| ***2.2.Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi. | C12, C13 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. * Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. |  | C14, C15 |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được những việc nên làm và không nên làm đề bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**   * Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương. |  |  | **C17** |  |
| **Tổng** | | |  | **12** | **4** | **1** | **1** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên : ………………………………….  Lớp: …… | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  Môn: Công nghệ 7.  Thời gian làm bài: 45 phút. | ĐIỂM |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)**

**Câu 1.** **Phát biểu nào dưới đây là *không đúng* về vai trò của chăn nuôi?**

**A.** Sản phẩm chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, là nguồn cung cấp dinh dưỡng quan trọng cho con người.

**B.** Phát triển chăn nuôi góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

**C.** Chất thải vật nuôi là nguồn phân hữu cơ quan trọng, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trồng trọt.

**D.** Sản phẩm chăn nuôi là nguồn cung cấp lương thực chính cho con người.

**Câu 2. Chăn nuôi có triển vọng:**

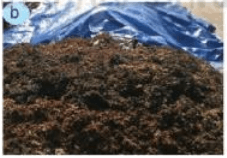
**A.** hướng tới phát triển chăn nuôi công nghệ cao , chăn nuôi bền vững.

**B.** hướng tới phát triển chăn nuôi bền vững.

**C.** hướng tới phát triển chăn nuôi giá trị cao.

**D.** hướng tới phát triển chăn nuôi công nghệ cao

**Câu 3. Hình ảnh nào sau đây thể hiện vai trò cung cấp thực phẩm của ngành chăn nuôi?**



**A.** hình a **B.** hình b **C.** hình c **D.** hình d

**Câu 4.** **Ở nước ta có những nhóm vật nuôi phổ biến nào?**

**A.** Gia súc **B.** Gia cầm **C.** Lợn **D.** Gia súc và gia cầm

**Câu 5.**  **Đặc điểm của chó Phú Quốc là**

**A.** lông màu vàng và mịn, da mỏng **B.** có xoáy lông ở lưng, chân có màng bơi

**C.** lông vàng hoặc nâu, tai cụp **D.** lông, da màu đen xám.

**Câu 6.** **Đâu là đặc điểm của chăn nuôi nông hộ?**

**A.** Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi lớn.

**B.** Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi ít.

**C.** Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi nhiều.

**D.** Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi tuỳ theo từng trang trại.

**Câu 7. Phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam là**

**A.** chăn nuôi nông hộ và chăn nuôi công nghệ cao

**B.** chăn nuôi công nghệ cao và chăn nuôi trang trại

**C.** chăn nuôi trang trại và chăn nuôi nông hộ

**D.** chăn nuôi thả và chăn nuôi công nghệ cao

**Câu 8. Phương thức chăn nuôi trang trại có ưu điểm gì?**

**A.** Đầu tư về chuồng trại **B.** Chi phí cao

**C.** Có năng suất cao, không gây ô nhiễm **D.** Đơn giản

**Câu 9.** **Đâu là ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi?**

**A.** Kĩ sư chăn nuôi **B.** Bác sĩ thú y **C.** Kĩ sư trồng trọt **D.** Kĩ sư chăn nuôi, Bác sĩ thú y

**Câu 10**. **Nhiệm vụ của nghề bác sĩ thú y là**

**A**. phòng bệnh, khám bệnh cho vật nuôi.

**B**. chọn và nhân giống cho vật nuôi, chăm sóc, thử nghiệm các loại vacine

**C**. chế biến thức ăn, chăm sóc, phòng bệnh cho vật nuôi.

**D**. phòng, khám bệnh cho vật nuôi, nghiên cứu, thử nghiệm các loại thuốc, vaccine

**Câu 11.** **Khi được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt thì vật nuôi sẽ như thế nào?**

*1. Khoẻ mạnh, lớn nhanh. 2. Ít bệnh tật.*

*3. Cho nhiều sản phẩm (thịt, trứng, sữa,...) với chất lượng cao. 4. Giảm sức đề kháng.*

*5. Được đảm bảo phúc lợi động vật.*

A. 1, 2, 3, 4 B. 1, 2, 4, 5 C. 1, 2, 3, 5 D. 1, 2, 3, 4, 5

**Câu 12.** **Đâu là nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi?**

**A.** Tiêm vaccine **B**. Môi trường chuồng trại quá nóng

**C.** Vệ sinh chuồng trại **D**. Cho ăn đủ chất dinh dưỡng

**Câu 13.** **Các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi thường có nguyên nhân chính là**

**A.** do thời tiết không phù hợp. **B**. do vi khuẩn và virus.

**C.** do thức ăn không đảm bảo vệ sinh. **D.** do chuồng trại không phù hợp.

**Câu 14.** **Phòng bệnh tốt cho vật nuôi *không* có tác dụng nào sau đây?**

**A.** Tăng cường sức khoẻ, sức đề kháng cho vật nuôi.

**B.** Giúp vật nuôi nhanh khỏi bệnh.

**C.** Ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh.

**D.** Tạo miễn dịch cho vật nuôi, giúp vật nuôi chống lại tác nhân gây bệnh.

**Câu 15.** **Biện pháp phòng bệnh chủ động hiệu quả nhất cho vật nuôi là**

**A.** sử dụng vaccine.

**B.** cho con vật ăn càng nhiều càng tốt.

**C.** cho con vật vận động càng nhiều càng tốt.

**D.** cho con vật sử dụng thuốc kháng sinh thường xuyên

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 16 (2 điểm)** Trình bày được các công việc cơ bản nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non?

**Câu 17 (2 điểm)** Em hãy vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn nêu các biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương.

**Câu 18 (1 điểm)** Hãy kể tên các phương thức chăn nuôi ở địa phương em. Phương thức đó áp dụng cho những loại vật nuôi nào?

**- HẾT-**

**ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II MÔN CN 7**

**I/ TRẮC NGHIỆM. (5 điểm) .** Mỗi câu đúng 0,33 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CÂU | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đ/ÁN | D | A | A | D | B | B | C | C | D | D | C | B | B | C | A |

**II/ TỰ LUẬN. (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **16** | Các công việc cơ bản nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non  + Giữ ấm và chăm sóc chu đáo  + Chuồng nuôi sạch sẽ, khô ráo, thông thoáng, yên tĩnh  + Con non bú sớm càng tốt  + Tập cho con non ăn sớm  + Cho vật nuôi vận động và tiếp xúc ánh sáng vào sáng sớm. | Mỗi ý 0,2đ |
| **17** | Biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương như:  - Xử lý chất thải chăn nuôi bằng hầm bioga  - Xử lý chất thải bằng phế phẩm sinh học  - Xử lý chất thải thành phân hữu cơ ….  Tùy mức độ học sinh trả lời ghi điểm | 2 điểm |
| **18** | HS vận dụng kiến thức kể đúng các phương thức chăn nuôi đã học được áp dụng ở địa phương.  Tùy mức độ học sinh trả lời ghi điểm | 1 điểm |